

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2018/DS-PT

Ngày 02-5-2018

“ *V/v tranh chấp quyền sử dụng đất* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiện

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T có kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Văn T, sinh năm 1930.

Địa chỉ cư trú: Ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L (theo giấy ủy quyền ngày 29/5/2017).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1960.

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã NT, huyện T, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện T;

Trụ sở: Ấp CX, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

3.2. Ủy ban nhân dân xã BT, huyện T, tỉnh L.

3.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961;

Địa chỉ cư trú: Số 14, đường số 1, khu dân cư BA 2, Phường 7, thành phố TA, tỉnh L.

3.4. Bà Nguyễn Thị Nhàn, sinh năm 1958;

Địa chỉ cư trú: Ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

3.5. Ông Huỳnh Thanh Ph, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: Ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

3.6. Ông Trần Quốc Tr, sinh năm 1976;

Địa chỉ cư trú: Ấp BC 2, xã BTh, huyện T, tỉnh L.

3.7. Ông Lê Minh H, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: Ấp 1 xã NT, huyện T, tỉnh L.

Người kháng cáo: Nguyên đơn cụ Nguyễn Văn T.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu T:

Nguồn gốc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L là của cha mẹ cụ T có để lại, trong đó có phần mồ mã của cố Nguyễn Văn S và cố Hà Thị Tr.

Vào khoảng năm 2010, do tuổi cao sức yếu nên cụ T đã chia đất cho các con gồm Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thanh B. Khi chia đất cho các con thì cụ T có nói rằng đất được chia không được sang bán, chuyển nhượng, tặng cho người khác. Nếu không sử dụng thì trả lại cho cụ T và tất cả các con phải có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc cụ T đến khi chết.

Cụ T đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Nh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16 được UBND xã BTh chứng thực ngày 29/7/2010, trên thửa đất 116 có phần mồ mã của ông Nguyễn Văn S và bà Hà Thị Tr.

Hiện nay cụ T được biết bà Nguyễn Thị Nh đang chuyển nhượng thửa đất 116 cho bà Nguyễn Thị M và đã nhận tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng. Trên thửa đất 116 này là nơi chôn cất cha mẹ cụ T và tiếp tục sẽ là đất nghĩa trang dùng làm chôn cất cho những người trong họ tộc. Do đó, cụ T không đồng ý việc bà Nh chuyển nhượng thửa đất 116 cho bà Nguyễn Thị M.

Ông T đại diện có ý kiến đòi lại phần đất bà Nh đang bán bằng một phần đất của ông Tấn đang đứng tên thuộc thửa số 637, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L để giữ lại thửa đất 116 làm đất mồ mã, vì trên thửa đất 116 có 03 ngôi mộ, trong đó có 02 mộ kiên cố bằng xi măng, 01 mộ đất là cô họ con ông Năm chết lúc nhỏ, lúc chôn là đất của ông Cổ hồi đó chưa chia

nên ông Năm chôn; sau này chia cho cụ T thì vẫn để đó đến nay. Trường hợp sau này trồng lúa không đạt hiệu quả nếu chuyển sang trồng thanh long thì phần để lại làm mồ mả sẽ không có lối đi vào. Việc ông T muốn đổi đất có nói cho bà Nh trước chứ không phải như bà Nh trình bày là không trao đổi trước.

Ông T đại diện cho cụ T yêu cầu:

- Hủy 01 phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Nh được UBND xã BT chứng thực ngày 29/7/2010 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 671367 do UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị Nh đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả cho cụ Nguyễn Văn T thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

Ông T thống nhất đề nghị Tòa án sử dụng Mạnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất HP lập, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 10/11/2017 để giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Bà Nh không đồng ý với yêu cầu của cụ T vì thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16 đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L do bà Nh được cha là ông Nguyễn Văn T làm hợp đồng tặng cho vào năm 2010. Bà Nh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 27/02/2017, bà Nh đã chuyển nhượng cho phần đất trên cho bà Nguyễn Thị M, bà Nh đã nhận tiền đặt cọc 50.000.000 đồng, khi chuyển nhượng đất cho bà Mạnh thì bà Nh còn có chừa lại 86m² để làm nơi chôn cất mồ mả. Bà Nh có làm giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Nh thay bà Nh quyết định đối với 3 thửa đất của bà Nh, người nhận tiền đặt cọc là bà Nguyễn Thị Nh. Việc chuyển nhượng giữa bà Nh và bà M đã liên hệ UBND huyện T để xin tách thửa 116 với diện tích 400m² để chuyển nhượng cho bà Mạnh và được UBND huyện T đồng ý tại Công văn số 369/UBND-KT ngày 30/03/2017. Bà Nh và bà M đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T làm hợp đồng đo đạc, ký giáp ranh nhưng khi đến UBND xã BT thì được UBND xã báo là có đơn ngăn chặn của cụ T nên không làm thủ tục chuyển nhượng được. Thửa đất 116 bà Nh có chuyển nhượng cho ông Huỳnh Thanh Ph ở ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L với diện tích 740m² và được UBND huyện T đồng ý cho tách thửa tại Công văn số 678/UBND-KT ngày 17/5/2017.

Bà Nh không đồng ý đổi đất như yêu cầu của ông T vì đất của ông T cách xa thửa đất 116 trong khi bà Mạnh muốn chuyển nhượng đất liền kề. Ông Tán muốn đổi đất nhưng không nói trước mà thưa kiện ra xã mới nói trong khi bà Nh đã nhận tiền cọc của bà M. Hơn nữa, khi cụ T gửi đơn ra Ủy ban nhân dân xã BT ngăn chặn không cho chuyển nhượng thửa đất 116 bà Nh giải thích và cha

đã đồng ý ủy quyền cho bà Nh rút đơn nhưng ông T không đồng ý rút đơn. Bà Nh thông nhất đề nghị Tòa án áp dụng Mạnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất HP lập, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 10/11/2017 để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T: không có văn bản trình bày, có đơn xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã BT huyện T trình bày: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Nh đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, loại đất lúa được Ủy ban nhân dân xã BT chứng thực ngày 29/7/2010 là đúng trình tự pháp luật. Ủy ban nhân dân xã BT không biết có điều kiện gì khi cụ T tặng cho bà Nh hay không do các bên không đề cập. Về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, loại đất lúa giữa cụ T và bà Nh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã BT xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Vào ngày 25/02/2017 bà có đến hỏi bà Nh chuyển nhượng đất có diện tích khoảng 400 m² thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T do bà Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Mạnh đã đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Nha (là chị bà Nguyễn Thị Nh) số tiền 50.000.000 đồng (biên nhận ngày 27/02/2017). Trước yêu cầu của cụ T thì bà M không đồng ý, bà M yêu cầu được tiếp tục làm hợp đồng chuyển nhượng phần đất thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16 của bà Nh, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, để bà M và bà Nh tự thỏa thuận. Vì phần đất này tiếp giáp với thửa đất thổ cư của bà M, đất của bà M phần lớn thuộc lộ giới, đất xây dựng rất ngắn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nha trình bày: Bà Nha là chị ruột bà Nh và là con gái của ông T. Khi ông T chia đất cho các con thì bà Nh làm thư ký cho cụ T ghi lại ý cha cho các con thửa đất nào. Do bà Nha không có gia đình riêng nên bà Nha được anh chị em trong gia đình ủy quyền đi làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất dùm tất cả anh chị em. Bà Nha cũng được bà Nh ủy quyền bán thửa đất 116 cho ông Ph và bà M. Bà Nha xác định khi cụ T cho đất các con, cụ T không có đặt điều kiện gì trên các thửa đất đã cho. Do đó việc ông T là người đại diện theo ủy quyền của cha yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nh thì với vai trò là thành viên trong gia đình bà Nha không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh Ph trình bày: Ông Ph có thửa đất liền kề với thửa 116 của bà Nh nên ông Ph có mua một phần đất thuộc thửa 116 của bà Nn với giá 250.000.000 đồng/1 công. Ông Ph có đặt cọc cho bà Nh 100.000.000 đồng, nay gia đình bà Nh có tranh chấp ông Ph

không có ý kiến gì, nhờ Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Nếu Tòa án giải quyết buộc bà Nh trả đất cho ông T thì tiền đặt cọc để bà Nh và ông Ph tự giải quyết, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết đất vẫn của bà Nh thì giữa bà Nh và ông Ph tự thỏa thuận việc chuyển nhượng, ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc Tr trình bày: Ông Tr hiện đang thuê toàn bộ các thửa đất của cụ T để canh tác mặt dù cụ T đã chia hết cho các con trong đó có thửa 116 của bà Nh. Nay bà Nh bán đất thì ông Tr đồng ý giao trả thửa đất 116 cho bà Nh, không có ý kiến tranh chấp khiếu nại. Ông Tr có đơn xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H trình bày: Ông H là chồng của bà Nh, cụ T là cha vợ. Cụ T có cho bà Nh phần đất thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, diện tích 1226 m² đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, và bà Nhận đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là tài sản riêng của bà Nh, bà Nh có quyền quyết định mọi việc đối với thửa đất này, ông H không có ý kiến tranh chấp khiếu nại.

Các bên không thống nhất.

Ngày 08/6/2017, cụ Nguyễn Văn T nộp đơn khởi kiện.

Ngày 25/7/2017, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án

Tòa án hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 189 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Nh về yêu cầu hủy 01 phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Nh được UBND xã BT chứng thực ngày 29/7/2010 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Nh về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 671369 do UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị Nh đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh ; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Nh về yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả cho ông Nguyễn Văn T thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

Về lệ phí đo đạc và thẩm định: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 6.000.000 đồng, ông T đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 4.177.000 đồng tiền án phí đòi đất và 300.000 đồng tiền án phí hủy hợp đồng, tổng cộng 4.591.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.515.000 đồng theo biên lai thu số 0002280 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh L, ông T phải nộp thêm là 1.962.000 đồng.

Ngoài ra án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 28/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L kháng nghị đề nghị xem xét lại việc xác định quan hệ tranh chấp của án sơ thẩm và sửa bản án dân sự sơ thẩm phần án phí.

Ngày 12/02/2018, cụ Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng bản án sơ thẩm không xem xét việc bà Nh có hành vi ngược đãi, không chăm sóc ông.

Tại Tòa phúc thẩm,

Các bên đương sự kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân L không thay đổi nội dung kháng nghị.

Nguyên đơn cụ T do ông T đại diện trình bày: Theo bản án bà Nh để lại diện tích đất 86 m² làm nơi chôn cất ông bà nhưng thực tế không đúng. Bà Nh không tôn trọng cụ T khi quyết định chuyển nhượng đất mà không báo cho ông T. Ngoài ra, đề nghị Tòa xem xét việc cụ T chuyển nhượng cho các con không thể hiện ý chí của mẹ là cụ Nguyễn Thị T (cha mẹ cùng tên). Ông đại diện cho mẹ ông yêu cầu hủy việc tặng cho và hủy giấy.

Bị đơn bà Nh không đồng ý trình bày của ông T. Trong các con, bà là người lo cho cha mẹ nhiều nhất. Khi cha cho đất không đặt ra vấn đề chăm sóc nhưng bà vẫn lo. Đất chia cho bà có phần mồ mả khi chuyển nhượng bà vẫn chừa ra để chôn cất cha mẹ.

Người liên quan bà Nha xác định khi cha cho đất bà là người ghi biên bản và làm giấy tờ. Việc tặng cho không nói điều kiện cũng không đặt yêu cầu không được chuyển nhượng. Bà không đồng ý việc ông T cho rằng bà Nh vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đương sự khác không trình bày hay thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu xem xét hành vi ngược đãi của bà Nh đối với cụ T cũng như trình bày diện tích đất mồ mà không chính xác. Những nội dung này chưa đặt ra xem xét tại cấp sơ thẩm nên không được xem xét lại. Kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ.

Về kháng nghị: Nguyên đơn khởi kiện ba yêu cầu gồm hủy hợp đồng tặng cho; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi quyền sử dụng đất. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chỉ là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” nhưng khi quyết định lại bác luôn ba quan hệ là không đúng, không chính xác. Về án phí, cụ T kiện đòi quyền sử dụng đất không tranh chấp quyền sử dụng đất về giá trị nhưng cấp sơ thẩm xác định tranh chấp có giá ngạch là trái với điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Đương sự kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt, áp dụng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

Phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông T chỉ kháng cáo bản án sơ thẩm không xem xét hành vi ngược đãi của bà Nh đối với ông T nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại phần này.

[2] Về nội dung kháng cáo

Xét tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/6/2017; trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản họp công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 25/12/2017 ông T chỉ yêu cầu xem xét hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứng thực ngày 29/7/2010; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi quyền sử dụng đất đối với thửa đất 116, tờ bản đồ số 16 loại đất LUA, tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L do bà Nh đứng tên quyền sử dụng đất. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về quyền tự quyết định và tự định đoạt của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện của ông T là đúng. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét hành vi ngược đãi, không chăm sóc ông của bà Nh là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Theo Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại những phần nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Nội dung ông T kháng cáo chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Đối với “Đơn khiếu nại” ghi ngày 17/4/2018 ông T nộp tại phiên tòa phúc thẩm có nội dung yêu cầu xem xét việc tặng cho quyền sử dụng đất của cụ T, cha ông không có ý kiến của mẹ ông (cũng tên T), đây là nội dung mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Căn cứ phạm vi xét xử và nguyên tắc xét xử sơ, phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ đó không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T.

[3] Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L:

Ông T khởi kiện có ba yêu cầu “Yêu cầu hủy một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đòi quyền sử dụng đất” cấp sơ thẩm xác định chỉ có một quan hệ là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là không chính xác.

Ngoài ra, việc cụ T đòi quyền sử dụng đất là đòi tài sản, không tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nh nhưng án sơ thẩm xác định tranh chấp có giá ngạch để buộc cụ T chịu án phí là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có cơ sở. Sửa bản án dân sự sơ thẩm về án phí và xác định lại đầy đủ quan hệ tranh chấp như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí đòi quyền sử dụng đất và 300.000 đồng tiền án phí yêu cầu hủy hợp đồng không được chấp nhận, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.515.000 đồng, hoàn trả cho ông Tở tiền thừa.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, đương sự kháng cáo không được chấp nhận phải chịu tiền án phí quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 34, Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26, điều 29

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Nh về việc “Yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi quyền sử dụng đất”. Cụ thể:

1.1. Bác yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Nh được UBND xã BT chứng thực ngày 29/7/2010 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

1.2. Bác yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 671369 do UBND huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị Nh đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ ông Nguyễn Văn T đòi bà Nguyễn Thị Nh trả cho cụ Nguyễn Văn T thửa đất số 116, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp BC 2, xã BT, huyện T, tỉnh L.

2. Về lệ phí đo đạc và thẩm định: Buộc cụ Nguyễn Văn T phải chịu 6.000.000 đồng, cụ Nguyễn Văn T đã nộp xong.

3. Về án phí:

Buộc cụ Nguyễn Văn T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.515.000 đồng theo biên lai thu số 0002280 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh L, hoàn trả cho ông T là 1.915.000 đồng.

Cụ Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp theo biên lai thu số 0003114, 0003126 ngày 12/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phước Thiên - Huỳnh Thị Hồng Vân

Trần Văn Quán